

Phẩm 3: TỬ VÔ ÚY

Đức Phật thành tựu Bốn vô sở úy, cho nên xứng đáng danh lễ. Bốn vô sở úy là: Như Lai chứng đắc Nhất thiết trí; hết thảy lậu đều tận, có thể thuyết đạo chướng ngại; và đạo hết khổ. Ở trong bốn pháp này, nếu có người đến thưa hỏi đúng như pháp, thì Đức Phật không có gì lo sợ. Vô úy thứ nhất là Nhất thiết trí, cũng là chín lực. Thứ hai gọi là đoạn, tức là lực thứ mười. Đây đủ trí, đoạn (Trí đức và Đoạn đức), nên Ngài tự mình cũng đã đầy đủ công đức. Hai loại vô úy sau, khiến cho người khác được đầy đủ. Đức Phật thuyết chướng ngại là pháp thật chướng, nghĩa là các bất thiện hoặc thiện hữu lậu, vì chướng ngại giải thoát, nên gọi là pháp chướng ngại, vì xa lìa chướng ngại, nên nói là đạo xuất thế.

Hỏi: Như ông vừa nói, các lực tức là vô úy, vậy ở đây, lực và vô úy có gì khác nhau?

Đáp: Trí gọi là lực. Vì nhờ lực này, nên có sức chịu đựng, đấy gọi là vô úy. Người ngu si không có tâm, quý, nên cũng chịu đựng nhiều. Sự chịu đựng của Như Lai, là từ trí tuệ sinh, cũng nhờ trí tuệ, nên không sợ người khác, nên gọi là vô úy. Vì sao? Vì có người tuy có trí, nhưng vẫn còn khiếp nhược. Lại trí cũng gọi là lực, có thể nói trí ấy là vô sở úy. Vì sao? Vì có người tuy biết mà chẳng khéo thuyết giảng được. Lại có thể hơn người khác, gọi là vô úy. Vì sao? Vì có người tuy biết nhưng không thể hơn người. Lại có trí vô tận nên gọi là lực. Biện tài vô tận cũng gọi là vô úy. Lại nữa, năng thuyết có nghĩa lý nên gọi là lực, sở thuyết tự tại gọi là vô úy. Vả lại nhân gọi là lực, quả gọi là vô úy, vì từ trong trí sinh ra nên gọi là vô úy. Lại nữa, người nào từ bắt đầu sinh khiếp sợ, sau này mà được ít trí tuệ, liền được vô úy. Huống gì Thế Tôn, từ lâu xa đến nay, tâm rộng lớn, chứng được Nhất thiết trí mà còn sợ gì?!

Lại nữa, có người, không thể hơn người khác nên phải sợ hãi, Đức Phật hơn tất cả mọi người, nên không sợ gì. Lại như người biện luận, với lời lẽ khéo léo, nghĩa lý chính đáng, thì không có gì lo sợ, Đức Phật, cũng vậy, do chứng được Nhất thiết trí nên khéo diễn đạt nghĩa lý chính đáng, đặc biệt tài vô ngại, nên khéo sử dụng ngôn từ. Hoặc có người, gặp việc thì bất lực, nên sinh lo sợ. Như Lai đã chứng Nhất thiết trí, nên gặp tất cả việc, đều có đủ năng lực. Tất cả Kinh sách, tất cả luận nghị đều hiểu tường tận, thông suốt rõ ràng, vấn đáp nên không có gì lo sợ. Lại nữa, có người bị thấp kém về gia tộc, dòng họ, sắc thân, giới đức, đa văn, trí tuệ... nên bị đem ra bình luận, chê bai. Đức Như Lai đối

với những điều trên, đều hoàn hảo; cho nên không có gì lo sợ. Lại như người bàn luận đúng như pháp, không ai có thể hủy phá, đức Phật cũng vậy. Như Bà-la-môn A-thúc-la thưa Đức Thế Tôn: “Người bàn luận đúng như pháp, thì khó có ai hơn, khó có ai có thể phá hoại. Người bàn luận thuận theo đạo, người bàn luận có suy lường, người bàn luận có nhân (nhân duyên), cũng lại như vậy. Lại nữa, nếu có người, thành tựu bốn loại pháp luận, thì khó có ai thắng, khó có ai có thể phá hoại: Một là, an trú ở chánh báo. Hai là, thọ nhận nhân và chẳng phải nhân. Ba là, năng thọ nhận thí dụ. Bốn là trụ trong pháp luận. Đức Phật đầy đủ bốn điều này, Trời, người thế gian không ai có thể hơn, cho nên không có gì sợ. Lại nữa, người chẳng học hỏi ở Thầy giỏi, mà bàn luận nghĩa lý, nên dễ bị phá. Như Lai xưa đã từng ở nơi Đức Phật Định Quang và vô lượng các Đức Phật khác để tu tập pháp luận nên không thể phá. Lại nữa, Đức Phật đã thuyết giảng hai đế: Thế đế và Đệ nhất nghĩa đế. Cho nên, người trí cũng không thể phá được. Phạm phu vô trí, cũng không thể tranh cãi với Phật. Lại Phật không cùng tranh chấp với người thế gian; người thế gian nói có, Đức Phật cũng nói có; thế gian nói không, Đức Phật cũng nói không; cho nên không có sự tranh cãi. Vì không tranh cãi, nên không thể phá được. Lại nữa, luận có hai loại: Một là luận chân thật. Hai là luận đua nịnh quanh co. Các ngoại đạo, phần nhiều là bàn luận nịnh hót quanh co. Đức Phật luận bàn chân thật, nên không thể hủy hoại được. Lại nữa, trong pháp Phật, chánh hạnh thanh tịnh nên bàn luận cũng thanh tịnh. Chánh hạnh thanh tịnh gọi là nhân tận trừ khổ. Luận của ngoại đạo cũng có nhân tương tự, nhưng không có nhân chân chánh, nên không thể thắng được. Kinh Phật thanh tịnh, nghĩa lý được nói ra không trái với thật tướng; chẳng giống ngoại đạo. Đạo mà Đức Phật giảng nói không những chỉ theo lời nói, mà tự tâm mình còn phải biết nữa. Như trong kinh Phật dạy: Phật bảo các Tỳ-kheo: “Các vị, không nên tin nơi lời của ta, mà còn phải tự mình thấy biết, tự thân chứng minh để hành”. Đức Phật còn dạy: “Các vị hãy đến với những người không đua nịnh. Nếu ta buổi sáng vì ông nói pháp, thì khiến chiều đắc đạo, chiều nói pháp thì khiến sáng sớm đắc đạo. Lại nữa, nếu có người, đối với pháp, có điều chẳng hiểu rõ, liền dừng lại, không nói nữa, nếu như có nói ra, chắc chắn sẽ bị bác bỏ; Đức Phật thông suốt tất cả nên không lo sợ điều đó. Lại nữa, Như Lai chứng các Trí vô ngại nên đối với hết thảy các pháp, thông tỏ tường tận, nên không có gì lo sợ. Người trí kém, thì không biết những gì được biết của bậc đại nhân; còn đại nhân thì biết rõ kẻ trí kém. Đức Phật là bậc đại

nhân lớn nhất của chúng sinh, nên có thể biết những luận bàn thuộc trí kém, nên không có lo sợ. Luận của các ngoại đạo, do nhận thức hiện thấy mà sinh khởi. Đức Phật biết rõ nhận thức ấy, là từ nơi các duyên mà sinh. Biết rõ Tập, Diệt, Vị, lỗi lầm và hướng xuất ly. Còn các ngoại đạo, không thể biết hết tất cả, nên sinh khởi tranh luận. Đức Phật nhờ Nhất thiết chủng trí, biết tất cả pháp, nên có thể phá hủy tất cả các luận, mà không bị các luận khác phá hủy; cho nên không có gì sợ. Do các duyên như vậy, nên nghĩa lực và vô úy có sai khác.

Hỏi: Đức Phật đối với các pháp không có gì sợ hãi. Vì sao chỉ nói Bốn pháp vô úy?

Đáp: Nói bốn pháp, là đã nói tổng quát tất cả vô úy. Vì sao? Vì hai loại Vô úy trước, đã nói về Trí đức và Đoạn đức, còn hai loại sau là vì người khác nói pháp chương đạo, thuyết về đạo diệt khổ; cũng gọi là Trí Đoạn. Thầy và trò, Trí Đoạn đầy đủ nên tức đã nói tổng quát là hết thảy đều không có gì sợ!

Hỏi: Vì sao chúng sinh nghi Phật chẳng phải là bậc Nhất thiết trí?

Đáp: Lời Phật nói ra, có khi như chẳng phải là lời của bậc Nhất thiết trí. Như Đức Phật hỏi: “Người từ đâu đến?” đại loại những việc như vậy. Trong kinh dạy: “Có người, đi vào thành, ấp, xóm, làng, mà phải hỏi tên các nơi ấy, ta chẳng cho người ấy là Nhất thiết trí”. Có người nghe kinh này nghi Đức Phật chẳng phải là bậc Nhất thiết trí. Lại có lúc Đức Phật thuyết giảng như còn chấp vướng vào tham, như trong kinh Phật dạy: “Lành thay Tỳ-kheo! Người đối với thân này, để được lợi lớn thì tùy thuận pháp ta, ta rất vui mừng”. Có những trường hợp tợ như lời giận dữ, như Đức Phật bảo ông Điều Đạt: “Ông là người chết, là người ăn thức khạc nhổ của người khác”. Cũng có những lời tợ như kiêu ngạo: “Ta là sư tử trong loài người, thành tựu hoàn toàn mười lực, bốn pháp Vô sở úy, ở trong đại chúng, mà rống tiếng Sư tử”. Có những lời giống như kiến chấp: “Khéo tu trì pháp ta, như người bưng bát dầu”, lại bảo với Điều-đạt: “Ta chẳng đem chúng Tăng giao phó cho Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, huống là giao cho người”. Có người trí thấp kém, nghe những lời này, liền cho Như Lai chưa diệt trừ hết phiền não. Lại nữa, Đức Phật dạy các dục là pháp chương đạo, có người hưởng thọ dục mà cũng đắc được đạo. Trong giới Luật đã chế ra pháp ngăn chặn, có người hủy phạm giới cũng đắc được đạo. Vì thế, người trí kém, nghi ngờ Đức Phật không biết pháp chương đạo. Lại có người tu đạo, mà cũng bị phiền não trói buộc. Kẻ trí kém sinh nghi, cho rằng tu tập đạo Thánh mà

không diệt hết phiền não, đã không diệt hết phiền não làm sao xa lìa khổ. Cho nên Như Lai đối với bốn pháp này nói không có gì phải sợ.

Hỏi: Như các nghi ngờ trên làm sao diệt trừ?

Đáp: Đức Phật tùy theo cách nói của thế tục. Thế tục cũng có người hiểu mà hỏi, không cho đó là lỗi. Đức Phật cũng như vậy, hiện đang ở thế gian, nên tùy theo thế tục đã hỏi. Lại nữa, ở thế gian có người tâm thường không tham đắm, nhưng khi nói ra, dường như có tham lam, rất nhiều những trường hợp như vậy. Đức Phật cũng thế, vì lợi ích cho chúng sinh, nên biểu hiện có những lời nói ấy. Hoặc cho rằng: “Dục không phải là pháp chướng”; mà Như Lai thì dạy, dục thật là pháp chướng. Nếu dục ở mãi trong tâm, thì không thể tu đạo, nên trước hết, cần phải đoạn trừ dục, sau đó mới đắc được đạo. Hoặc cho rằng: Người tuy phạm giới cấm còn chứng đạo, phá hủy giới cấm chân thật, chắc chắn không chứng được đạo, như chẳng phải tội thật, nhưng vì sự duyên cần thiết, nên Đức Phật tự cho phép, chứ chẳng phải là hủy hoại giới ngăn cấm. Hoặc cho rằng: Tu đạo cũng có phiền não, và đạo Thánh có khả năng diệt trừ tất cả phiền não trói buộc, nhưng chưa đầy đủ nên chẳng thể diệt hết hoàn toàn. Ví như đặc tính của dầu tô, có thể chữa được bệnh nóng, nhưng do uống ít, nên chẳng lành bệnh. Tu đạo cũng vậy, vì thế nên không có lỗi.

Như Lai thành tựu bốn pháp Vô sở úy, cho nên xứng đáng để đánh lễ.

Phẩm 4: MƯỜI HIỆU

Lại nữa, trong kinh dạy: Như Lai có đầy đủ mười loại công đức, đó là: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, và Phật Thế Tôn. Như Lai là nương vào đạo Như thật cho đến khi chứng đắc quả vị chánh giác, nên gọi là Như Lai. Có nói ra điều gì cũng đều đúng sự thật, không hư dối. Như Đức Phật hỏi A-nan: “Như Lai nói ra có hai lời không?” “Bạch Đức Thế Tôn! Thưa không!” Nên gọi là Như thuyết. Lại nữa, Như Lai từ đêm đắc đạo cho đến đêm nhập Niết-bàn, trong thời gian đó, có nói ra điều gì, đều là chân thật, không thể phá hoại được, nên gọi là Như thuyết. Lại dùng Nhất thiết chủng trí, để biết rõ tận cùng giới hạn trước sau, sau đó, mới thuyết giảng, nên lời nói đều chân thật. Chư Phật Thế Tôn, nhớ nghĩ kỹ lưỡng và chắc chắn, không quên mất. Có người, hoặc phải dùng trí để so sánh, hoặc theo kinh sách mới nói được; hoặc có việc ở hiện tại, không được thấy rõ, mà có thể nói được, người này mà nói ra hoặc đúng hoặc sai. Như trong kinh dạy: “Người dùng trí so sánh, nói ra, hoặc đúng hoặc sai. Đức Phật đã biết rõ các pháp hiện tại rồi, nên nói ra điều gì, cũng không hủy phá được; gọi là Thật thuyết (nói đúng sự thật). Lại nữa, Đức Phật đã thuyết giảng điều gì, đều là nghĩa chân thật; không như người khác, nói ra có thật có hư; nên chẳng phá hủy được. Thuyết giảng đúng thời, như trong kinh dạy: Đức Phật biết rõ tâm của chúng sinh ưa thích điều gì mới giảng đạo pháp, nên gọi là Như thuyết. Người đáng thuyết giảng pháp, liền thuyết giảng cho họ. Như trong kinh Khẩn Thúc Già dạy: Pháp cần thuyết giảng thì phải thuyết. Nghĩa là, hoặc tóm lược hoặc giảng rõ những pháp môn Ấm, Nhập. Cho nên những gì Phật nói ra đều là chân thật. Lại nữa, có hai cách nói truyền đạt pháp: Một là dựa vào thế đế, hai là dựa vào đệ nhất nghĩa đế. Như Lai thuyết giảng dựa theo hai đế này, nên lời nói đều chân thật. Lại nữa, Đức Phật không dạy, thế đế là đệ nhất nghĩa đế, không cho đệ nhất nghĩa đế là thế đế. Nên lời nói của hai bên đều không trái nhau. Lại nữa, Như Lai thuyết giảng hoặc ngăn cấm, hoặc mở bày cũng không chống trái nhau, tùy theo sự việc nào ngăn cấm, không phải việc đó tức là khai ra; tùy theo từng sự việc, khai ra, không phải việc đó tức là ngăn cấm. Cho nên, tất cả lời Phật nói, đều không trái nhau. Lại có ba cách nói truyền đạt pháp: Một là từ kiến sinh. Hai là từ mạn sinh. Ba là từ giả danh sinh. Đức Phật không dùng hai loại trước, đối với loại thứ ba thì thanh tịnh không nhiễm. Lại

có bốn loại nói truyền đạt pháp: kiến, văn, giác, tri (thấy, nghe, biết, hiểu). Đức Phật đối với bốn loại nói pháp này, tâm thanh tịnh, không tham trước. Lại có năm loại nói truyền đạt pháp: quá khứ, hiện tại, vị lai, vô vi và “không thể nói”. Đó là năm loại nói pháp, mà Đức Phật đều thông đạt và hiểu rõ tất cả, sau đó mới giảng thuyết, nên gọi là Như thuyết. Có khả năng như thuyết (thuyết giảng đúng) nên gọi là Như Lai. Do diệt hết phiền não, nên chứng đắc pháp này. Các tham-sân-si là nguồn gốc của nói dối, diệt hết các ràng buộc này, nên gọi là Ứng Cúng. Lại nữa, Như Lai thuyết pháp Ứng Cúng là pháp diệt trừ mọi ràng buộc từ chánh trí mà sinh. Dùng trí tuệ quán chân chánh về các pháp vô thường, khổ... mới diệt trừ hết các phiền não; nên chánh trí là nhân sinh khởi pháp Ứng Cúng. Pháp chánh trí từ Minh Hạnh sinh, tận cùng giới hạn của trước sau và chẳng liên tục; đều hiểu và thông suốt, nên gọi là chánh trí. Thực hành tất cả các pháp Ba-la-mật, như Bồ thí v.v... nên gọi là Minh Hạnh Túc. Có người khác, cũng ở trong vô tử sinh tử, thực hành các pháp bồ thí v.v..., mà không có chánh hạnh, nên không gọi là Thiện Thệ. Đức Phật có chánh đạo, hành hạnh Bồ thí v.v..., nên gọi là Thiện Thệ. Như Lai chứng được năm pháp này, nên tự có công đức đầy đủ, đạt được chánh trí, nên có khả năng, biết được tất cả tâm niệm của chúng sinh; biết được những suy nghĩ rồi mới thuyết pháp, nên gọi là Vô Thượng Sĩ. Những người đáng điều phục, đều được điều phục tất cả, người nào đã được điều phục rồi, thì hoàn toàn không bị hủy hoại; người được điều phục chính là Trời, Người; nên gọi Phật là Thiên Nhân Sư. Hoặc có người sinh nghi: Đức Phật thị hiện cõi người làm sao giáo hóa cõi Trời. Vì thế mà nói: “Ta là thầy của Trời Người”. Đức Phật khi ngồi đạo tràng, diệt trừ giấc ngủ vô minh, chứng được Nhất thiết trí, bỗng nhiên đại ngộ tất cả các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai, hữu vi, vô vi, hữu tận, vô tận, hoặc thô, hoặc tế; hết thấy đều biết rõ; nên gọi là bậc Giác ngộ.

Chín loại công đức như vậy, Đức Phật đều đầy đủ, là bậc được tôn kính trong ba đời mười phương thế giới; nên gọi là Thế Tôn. Đức Phật đã tự mình đầy đủ mười danh hiệu, còn khiến cho người khác cũng đầy đủ; làm lợi mình lợi người; cho nên xứng đáng đánh lễ.
